

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-4-2025

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Na Na

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 514/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1993

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (*Chị P, anh V đều vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-11-2024 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2017, chị P kết hôn với anh V và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 22-02-2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và sinh 01 con chung, cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 14/8/2017. Sau khi sinh được 01 con chung chị P và anh V đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và anh V đã có hành vi bạo lực với chị P, nhiều lần chị P đã cố gắng hàn gắn cho hai bên đoàn tụ hoà hợp nhưng không có kết quả, chị P và anh V đã ly thân từ năm 2022 mãi cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, phần ai nấy sống. Nay, chị P nhận thấy

cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh V ngày càng mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được, vợ chồng không còn hạnh phúc. Đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị P yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Giữa chị P và anh V có 01 con chung cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 14/8/2017. Khi ly hôn, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu B cho chị P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị P không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên vào ngày 24/3/2025, anh V đã có văn bản gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi. Nội dung văn bản thể hiện anh đồng ý ly hôn với chị P, vì mâu thuẫn vợ chồng giữa anh với chị P không thể hàn gắn được với nhau. Kính mong quý tòa xem xét.

Tại biên bản xác minh ngày 17-3-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi về điều kiện sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị P và anh V: Chính quyền địa phương UBND xã N cung cấp thông tin cho Tòa án được biết, chính quyền không biết được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị P với anh V, cũng không nghe chị P hay anh V báo cáo với cơ quan có thẩm quyền tại địa phương. Nên nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị P và anh V thì chính quyền địa phương không biết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ là đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn V; về con chung: Hiện nay cháu B đang sống cùng với chị P, khi ly hôn chị P đề nghị giao con chung cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 14/8/2017 cho chị P là người tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu B, chị P không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị P trình bày không có nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm, chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố, thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn V và giao con chung cháu Nguyễn Thanh B cho chị P là người chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Chị P trình bày không có. Bị đơn anh Nguyễn Văn V có nơi cư trú tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, có căn cứ xác định quan hệ pháp luật khi giải quyết là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị P vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn, anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh V đã tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 22-02-2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh V là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị P trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V có hành vi bạo lực với chị, nhiều lần chị đã cố hàn gắn để hai bên đoàn tụ, hoà hợp nhưng không có kết quả, chị P và anh V đã ly thân với nhau từ năm 2022 mãi cho đến nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh V.

Bị đơn anh V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nhưng có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện nội dung về quan hệ hôn nhân đồng ý ly hôn với chị P.

Vì các căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở để xác định, đời sống chung vợ chồng giữa chị P và anh V không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P ly hôn với anh V.

[2.2] Về con chung: Giữa chị P và anh V có 01 con chung, cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 14/8/2017. Khi ly hôn, chị P yêu cầu giao con chung cho chị P là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Chị P không yêu cầu anh V cấp dưỡng, nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu B là con chung của chị P, anh V và hiện nay cháu B đang sống cùng với chị P tại xã N, thành phố Q từ khi sinh ra cho đến nay. Cuộc sống hôn nhân hiện nay giữa chị P với anh V đã ly thân, phần ai nấy sống, không ai quan tâm ai. Hiện nay, cháu B còn nhỏ. Vì vậy, để đảm bảo về mặt tinh thần và sự phát triển tâm sinh lý bình thường cho cháu, cần giao cháu B cho chị P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B là hoàn toàn phù hợp với quy định

của pháp luật. Chị P không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P trình bày, giữa chị với anh V không có tài sản chung và không có nợ. Vì anh V không có văn bản trình bày ý kiến về các nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266 Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn V

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 14/8/2017 cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Nguyên đơn chị P không yêu cầu bị đơn anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn V đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có tài sản chung và không có nợ. Vì bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến về các nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân, gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do

chị P đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003858 ngày 31-12-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND TP Quảng Ngãi
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi
- UBND xã Phong Thạnh,
huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Lê Thị Na Na

